

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2020/HS-ST
Ngày 29-10-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Minh Út.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Hữu Hiệp.

Ông Châu Hoàng Huy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Anh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Hữu Duy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 28/2020/TLST-HS ngày 05 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2020/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 10 năm 2020, đối với bị cáo:

Nguyễn Thị B, sinh năm 1964. Nơi sinh: Thị xã T, tỉnh Kiên Giang. Nơi cư trú: Khóm 4, phường 7, thành phố M, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; cha: Nguyễn Văn S, sinh năm 1942 (đã chết) và mẹ: Trần Thị N, sinh năm 1942; chồng: Trần Ngọc Q, sinh năm 1960; con: 03 người, lớn nhất sinh năm 1985, nhỏ nhất sinh năm 1996; tiền án: Năm 2008 bị Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xử phạt 10 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 08-02-2017, chưa được xóa án tích; tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 21-7-2020 theo lệnh truy nã cho đến nay (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Bị hại: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp G, xã P, huyện D, tỉnh Cà Mau.

Đại diện theo ủy quyền của bị hại: Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1978 - Theo văn bản ủy quyền ngày 13-3-2020 (xin vắng mặt).

Nơi cư trú: Khóm 4, thị trấn M, huyện M, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 07 giờ sáng ngày 13-3-2020, Nguyễn Thị B trên chuyến xe buýt đi từ bến xe huyện M đến Cà Mau thì thấy chị Phạm Thị H lên chuyến xe này, B rủ chị H ngồi chung băng ghế. Sau khi ổn định chỗ ngồi, chị H mở túi xách lấy tiền trả tiền xe buýt thì B nhìn thấy bên trong có 01 hộp nhựa đựng vàng và sau khi trả tiền xe xong thì chị H chỉ đẩy nắp túi xách lại mà không cài khóa. Khi đến đoạn đường thuộc ấp 6, xã P, huyện M, tỉnh Cà Mau, B phát hiện chị H đang ngủ gật trên xe và không cảnh giác nên B lén lút dùng tay trái gỡ nắp túi xách lên và lấy hộp nhựa trong túi xách của chị H bỏ vào túi nilon mà B mang theo. Khi xe buýt dừng tại trạm cầu K để đón khách thì B lập tức xuống xe và thuê xe ôm chạy về hướng cầu qua sông T. Khi xe buýt chạy được một đoạn thì chị H thức dậy phát hiện bị mất tài sản và nghi ngờ B lấy trộm nên xuống xe buýt và thuê xe ôm chạy đi tìm gặp bị cáo tại Trạm thu phí cầu qua sông T. Tại Cơ quan điều tra, bị cáo B đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Tại Kết luận định giá số: 07/KL-HĐĐG ngày 07-4-2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện U Minh đã kết luận như sau: 01 sợi dây chuyền thẻ bông, trọng lượng 03 chỉ 1,8 phân vàng 610; 01 sợi dây chuyền có mặt đính liền, trọng lượng 7,5 phân vàng 610; 01 tấm lắc hình chữ G có hột, trọng lượng 05 chỉ 7,6 phân vàng 610; 01 mặt dây chuyền hình con rồng, trọng lượng 02 chỉ 1,2 phân vàng 610; 01 nhẫn đồng tiền, trọng lượng 4,6 phân vàng 610; 01 nhẫn chữ X, trọng lượng 3,8 phân vàng 610; 01 nhẫn có hột, trọng lượng 6,2 phân vàng 610; 01 đôi bông tai kiểu trái tim, trọng lượng 3,6 phân vàng 610 và 01 đôi bông tai kiểu trái châu, trọng lượng 2,7 phân vàng 610. Tổng giá trị tài sản là 40.449.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số: 29/CT-VKS ngày 02-10-2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau truy tố bị cáo Nguyễn Thị B về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát bảo vệ toàn bộ nội dung cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị B phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị B từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Bị cáo Nguyễn Thị B nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật, đã ăn năn hối cải nên xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đại diện theo ủy quyền của bị hại Phạm Thị H có văn bản xin vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm nên căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, Điều tra viên và Kiểm sát viên thực hiện hành vi tố tụng và ban hành các quyết định, văn bản tố tụng đúng theo quy định pháp luật nên các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án là hợp pháp. Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị B khẳng định trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo tự nguyện khai báo; những người tiến hành tố tụng không ép cung, mớm cung, bức cung đối với bị cáo.

[2] Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị B thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh đã truy tố. Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của chính bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: Khoảng 07 giờ ngày 13-3-2020, trên chuyến xe buýt đi từ bến xe huyện M đến Cà Mau, khi đến đoạn đường thuộc ấp 6, xã P, huyện M, tỉnh Cà Mau, bị cáo lợi dụng sự sơ hở trong quản lý tài sản của bị hại, Nguyễn Thị B thực hiện hành vi lén lút trộm cắp nữ trang của chị Phạm Thị H. Tại Kết luận định giá số: 07/KL-HĐĐG ngày 07-4-2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện M đã kết luận: Tổng giá trị tài sản là 40.449.000 đồng.

[3] Như vậy, đã có đầy đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Thị B phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Xét hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm trái pháp luật đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất an ninh trật tự xã hội, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân. Bản thân bị cáo là người có khả năng nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật và phải chịu chế tài hình sự nghiêm khắc nhưng vì hám lợi, lười lao động và để có tiền phục vụ cho nhu cầu cá nhân nên bị cáo cố ý thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại trái pháp luật nhằm thu lợi bất chính cho bản thân. Vì vậy, cần phải áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Thị B gây ra. Cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để có điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội và bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật; đồng thời nhằm răn đe, phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[5] Tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự áp dụng khi định mức hình phạt đối với bị cáo: Nguyễn Thị B thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng: Năm 2008 bị Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xử phạt 10 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 08-02-2017, chưa được xóa án tích là tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[6] Xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Chị Phạm Thị H đã nhận toàn bộ tài sản bị mất trộm, không yêu cầu trách nhiệm bồi thường dân sự đối với bị cáo nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị B phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng theo quy định tại Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Căn cứ Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

- Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị B phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị B **02 (Hai)** năm **06 (Sáu)** tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21 tháng 7 năm 2020.

- Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị B phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Án xử sơ thẩm công khai. Bị cáo Nguyễn Thị B có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại Phạm Thị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Cơ quan Điều tra Công an huyện U Minh;
- Cơ quan THA HS huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Dương Minh Út

